



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN PHÁP CHẾ & QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
















Địa chỉ: Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: 04. 2221 0288 - Fax: 04. 2221 0388 - Website: www.pvpower.vn

BẢN TIN PHÁP CHẾ

THÁNG 06 NĂM 2017



Biên soạn : Lê Thị Yên
Kiểm duyệt : Nguyễn Ngọc Hà
Võ Thị Tú Oanh
Email : lethiyen@pvpower.vn
Điện thoại : 04 2221 0288 (máy lẻ: 6626)

Mục lục	Trang
I. Quy định mới	3
 Quy định mới ban hành trong tháng 06 năm 2017	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	4
 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017.  Luật quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017.  Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  Luật Thủ tục lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.  Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017.  Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 20/6/2017.  Luật quản lý tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.  Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.  Nghị quyết số 45/2017/QH14 ngày 21/6/2017 thành lập đoàn giám sát “việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2016”.  Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.  Nghị định 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng.  Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng Doanh nghiệp.  Quyết định 21/2017/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 về hạn mức trả tiền bảo hiểm.  Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.	
III. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.	11

QUY ĐỊNH MỚI

1. Doanh nghiệp	5. Hình sự
<ul style="list-style-type: none">- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017.- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.- Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng Doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 20/6/2017.- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ Luật Hình sự số 100/2015/Qh13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.
2. Lao động - Tiền lương	6. Tài nguyên – Môi trường
<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng.	Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
3. Bảo hiểm	7. Dịch vụ pháp lý
<ul style="list-style-type: none">- Quyết định 21/2017/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 về hạn mức trả tiền bảo hiểm.	<ul style="list-style-type: none">- Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017.
4. Thương mại	8. Tài chính Nhà nước
<ul style="list-style-type: none">- Luật quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017.- Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.- Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.	<ul style="list-style-type: none">- Luật quản lý tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.- Nghị quyết số 45/2017/QH14 ngày 21/6/2017 thành lập đoàn giám sát “việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2016”.

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA



Ngày 12/6/2017, Quốc hội thông qua Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14. Theo đó:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này sẽ được hỗ trợ như sau:

- Được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;
- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu và các khoản phí, lệ phí đăng ký đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- Được miễn phí môn bài, tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- Miễn, giảm thuế TNDN có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

Hiệu lực thi hành: 01/01/2018.

LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG

Ngày 12/06/2017, Quốc hội thông qua Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định việc quản lý theo giấy phép, theo điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

- Chỉ áp dụng biện pháp quản lý theo điều kiện

trong các trường hợp cần thiết vì lý do trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng, thuần phong mỹ tục, bảo vệ môi trường.

- Việc áp dụng biện pháp quản lý theo giấy phép, theo điều kiện phải bảo đảm công khai, minh bạch; tiết kiệm thời gian, chi phí của cơ quan quản lý nhà nước và của thương nhân.

- Trên cơ sở tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Chính phủ quy định:

- + Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện;

- + Phương thức, phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với hàng hóa thuộc Danh mục;

- + Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm công bố công khai Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện và công bố điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc Danh mục.



Hiệu lực thi hành: Luật quản lý ngoại thương có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 và thay thế các văn bản sau:

- Pháp lệnh về Tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam số 42/2002/PL-UBTVQH10;

- Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam số 20/2004/PL-UBTVQH11;

- Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam số 22/2004/PL-UBTVQH11.

Và Bãi bỏ Khoản 3 Điều 28, khoản 3 điều 29, khoản 3 điều 30, các Điều 31, 33, 242, 243, 244, 245, 246 và 247 của Luật Thương mại số 36/2005/QH11.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Ngày 19/06/2017, Quốc hội thông qua Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 quy định về việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ như sau:

- Hợp đồng phải được các bên ký, đóng dấu (nếu có); ký, đóng dấu giáp lai (nếu có) vào các trang của hợp đồng, phụ lục hợp đồng (quy định hiện hành 2006 chỉ yêu cầu các bên ký, đóng dấu và có chữ ký tất của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phụ lục nếu một trong các bên là tổ chức khi có nhu cầu đăng ký hợp đồng).

- Ngôn ngữ trong hợp đồng do các bên thỏa thuận (không còn quy định trường hợp cần giao dịch tại Việt Nam thì phải có hợp đồng bằng tiếng Việt).

Ngoài ra, hợp đồng chuyển giao thuộc một trong các trường hợp sau phải đăng ký với cơ quan nhà nước (trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao):

- Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài;

- Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hiệu lực thi hành: Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 và thay thế Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11.

LUẬT THỦY LỢI

Ngày 19/06/2017, Quốc hội thông qua Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, theo đó:

Tổ chức, cá nhân trước khi vận hành xả lũ phải thông báo cho chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan theo quy trình vận hành được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, Luật Thủy Lợi còn đề cập đến nhiều nội dung quan trọng khác như là:

- Hồ chứa thủy điện vận hành theo chế độ điều tiết ngày phải có giải pháp bảo đảm công trình thủy lợi ở hạ du hoạt động bình thường;

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước tại khoản 1 Điều 73 Luật Tài nguyên nước 2012;

- Các loại giấy phép trong lĩnh vực thủy lợi đã được cấp trước ngày 01/7/2018 mà chưa hết thời hạn của giấy phép thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn.



Hiệu lực thi hành: Luật Thủy Lợi có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2018 và thay thế Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2011/PL-UBTVQH10.

LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ



Ngày 20/06/2017, Tại kỳ họp thứ 3 Quốc Hội khóa XIV Quốc hội đã thông qua Luật trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14.

Theo đó, ngoài những đối tượng được quy định tại Luật trợ giúp pháp lý 2006, người được trợ giúp pháp

lý còn bao gồm:

- Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;
- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:
 - + Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
 - + Người nhiễm chất độc da cam;
 - + Người cao tuổi; Người khuyết tật;
 - + Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;
 - + Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
 - + Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
 - + Người nhiễm HIV.

Hiệu lực thi hành: Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 và Thay thế Luật Trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11.

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Ngày 20/06/2017, Tại kỳ họp thứ 3 Quốc Hội khóa XIV Quốc hội đã thông qua Luật 12/2017/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 với 434/457 đại biểu có mặt tại Hội trường Quốc Hội bấm nút thông qua.

Theo đó Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2017 có một số điểm mới nổi bật như sau:

- Người không tố giác là người bào chữa thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm, trừ những trường hợp sau đây:
 - + Các tội quy định tại Chương XIII (các tội xâm phạm an ninh quốc gia); hoặc
 - + Tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.
- Bổ sung Điều 217a quy định về Tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp.



- Bổ sung Tội Tài trợ khủng bố (điều 300) và Tội rửa tiền (điều 324) vào phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

- Bãi bỏ Điều 292 quy định về Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 2017 còn sửa đổi quy định về buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật như sau:

- Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà sa thải trái pháp luật người lao động; cưỡng ép, đe dọa buộc người lao động phải thôi việc; ra quyết định buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức, viên chức **gây hậu quả nghiêm trọng** thì:

+ Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; hoặc

+ Phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

- Trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

Hiệu lực thi hành: Bộ Luật hình sự sửa đổi năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

LUẬT QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG

Ngày 21/06/2017, Quốc hội thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 quy định về quản lý nhà nước đối với tài sản công; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

Theo đó, đơn vị sự nghiệp công lập được sử

dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê trong các trường hợp:

- Tài sản được giao, đầu tư mua sắm thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất;
- Tài sản không do NSNN đầu tư được mua sắm theo dự án do cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ hoạt động kinh doanh, cho thuê;

Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh cho thuê cụ thể như sau:

- Đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có giá trị lớn theo quy định của Chính phủ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt đề án.

- Đối với tài sản khác do Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt.

Hiệu lực thi hành: Luật quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực từ 01/01/2018 và thay thế Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước số 09/2008/QH12.

NGHỊ QUYẾT VỀ THI HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ SỬA ĐỔI NĂM 2017

Ngày 20/06/2017, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ Luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/Qh13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

1. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2018 các Bộ Luật, luật sau có hiệu lực thi hành:

- Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi theo Luật số 12/2017/QH14 (sau đây gọi là Bộ luật hình sự 2015);

- Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13;

- Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13;

- Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

2. Áp dụng Bộ Luật hình sự năm 2015:

Kể từ ngày 01/01/2018 Bộ Luật hình sự năm 2015 được áp dụng như sau:

- Tất cả các điều khoản được áp dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018;

- Đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị

phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích thì:

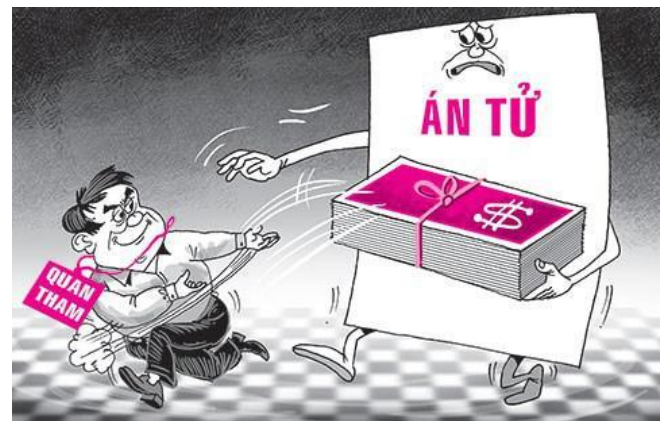
+ Được áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội tại Bộ luật hình sự 2015;

+ Không áp dụng các tội mới và quy định không có lợi cho người phạm tội tại Bộ luật hình sự 2015.

- Các quy định về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại tại Bộ luật Hình sự năm 2015 không áp dụng đối với những hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018;

- Đặc biệt, Nghị quyết 41/2017/QH14 kháng định kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 được công bố, tiếp tục thực hiện các quy định như không áp dụng hình phạt tử hình khi xét xử người phạm tội mà Bộ luật hình sự 2015 đã bỏ hình phạt tử hình đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử. Trường hợp đã tuyên hình phạt tử hình nhưng chưa thi hành án thì không thi hành nữa và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân.

- Đối với những người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, nhận hối lộ nhưng chưa thi hành án mà đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì cũng không thi hành án nữa và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân.



- Cũng theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 sẽ không xử lý hình sự đối với người thực hiện các hành vi như tảo hôn, báo cáo sai trong quản lý kinh tế, vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

của tổ chức tín dụng, không chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở giáo dục, chữa bệnh, quản chế hành chính... Nếu vụ án đã khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt;

Hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết số 41/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017;
2. Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

NGHỊ QUYẾT THÀNH LẬP ĐOÀN GIÁM SÁT VỀ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Ngày 21/06/2017, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 45/2017/QH14 về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện pháp luật về quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

1. Theo đó, công việc của Đoàn giám sát là thực hiện những nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện những chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;
- Giám sát chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;
- Giám sát mô hình quản lý vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

2. Đối tượng chịu sự giám sát ở trung ương bao gồm nhiều Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và ở địa phương bao gồm UBND một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Phương thức giám sát mà Đoàn thực hiện là tổ chức các Đoàn công tác đến các địa phương hoặc làm việc với Bộ, ngành trung ương về tình hình thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Hiệu lực thi hành: 21/6/2017

NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Ngày 06/06/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, bao gồm Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Giao dịch với người có liên quan; báo cáo và công bố thông tin.

1. Theo đó, về cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT) ngoài đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty còn xét tới yếu tố về giới.

Đồng thời, tư cách thành viên của HĐQT có sự thay đổi so với quy định hiện hành như sau:

- Từ ngày 01/8/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng (hiện tại vẫn cho phép nếu được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên);

- Từ ngày 01/8/2019, thành viên HĐQT của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.



Ngoài ra Nghị định 71/2017/NĐ-CP còn quy định về Người phụ trách quản trị công ty như sau: HĐQT của Công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất một người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Báo cáo và công bố thông tin:

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty và các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty:

+ Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

+ Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

- Công bố thông tin về quản trị công ty: Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

- Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc (Tổng giám đốc): Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Hiệu lực thi hành: Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2017 và thay thế Thông tư

121/2012/TT-BTC.

NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG.



Ngày 30/6/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2017/NĐ-CP quy định về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và bảo hiểm hàng tháng

Theo đó, kể từ ngày 01/7/2017 tăng thêm 7,44% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hàng tháng của tháng 06/2017 đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này, đơn cử:

- Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, người lao động, quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hàng tháng.

- Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP và Nghị định 09/1998/NĐ-CP đang hưởng lương hưu và trợ cấp hàng tháng.

- Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định 38/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng.

- Công an nhân dân đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010.

Hiệu lực thi hành: 15/8/2017

CÔNG KHAI 1000 DOANH NGHIỆP ĐÓNG THUẾ TNDN LỚN NHẤT NƯỚC

Ngày 06/06/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, nhằm triển khai

hiệu quả Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

Theo đó, yêu cầu Bộ Tài chính:

- Chỉ đạo cơ quan thuế công khai trên Cổng thông tin điện tử danh sách xếp hạng chi tiết 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

- rà soát, sửa đổi các quy định về quản lý thuế, hải quan theo hướng liên thông giữa các Bộ, cơ quan liên quan nhằm giảm thiểu tối đa thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2013 theo hướng cải cách thủ tục hành chính và công khai, minh bạch trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá hoặc không thông qua hình thức đấu giá theo quy hoạch sử dụng đất; quy định bán đấu giá quyền sử dụng đất sau khi thu hồi đất đảm bảo chặt chẽ, sát với thị trường, tránh thất thoát tài sản nhà nước; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.

- Hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị định về bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng nghị định về hóa đơn, chứng từ điện tử trình Chính phủ trong tháng 10/2017.

Xem thêm nội dung chi tiết tại Chỉ thị 26/CT-TTg ban hành ngày 06/6/2017.



Ngày 15/06/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Bảo hiểm tiền gửi. Theo đó:

- Số tiền bảo hiểm tối đa mà một người gửi tiền có thể nhận được cho tất cả các khoản tiền gửi khi các ngân hàng thương mại phá sản là 75.000.000 đồng.

- Hạn mức chi trả này đã bao gồm cả tiền gốc

và tiền lãi.

Như vậy, hạn mức trả tiền bảo hiểm tiền gửi đã tăng 1.5 lần so với quy định hiện hành tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 109/2005/NĐ-CP là 50.000.000 đồng.

- Quyết định 21/2017/QĐ-TTg áp dụng cho Người được bảo hiểm tiền gửi; Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; Tổ chức bảo hiểm tiền gửi; Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Hiệu lực thi hành: 05/08/2017

QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH MỨC GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN

Ngày 30/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó:

1. Nguyên tắc điều chỉnh giá bán điện bình quân như sau:

- Căn cứ sự biến động của các thông số đầu vào của các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và dịch vụ phụ trợ hệ thống điện) để điều chỉnh giá điện như sau:

+ Sự biến động làm giá biến động bình quân giảm so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được điều chỉnh giảm.

+ Sự biến động làm giá bán điện bình quân tăng từ 3% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh tăng.

- Thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là 06 tháng kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.

- Tập đoàn EVN được quyền điều chỉnh tăng/giảm giá bán điện trong phạm vi khung giá do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Việc điều chỉnh giá bán điện bình quân phải thực hiện công khai, minh bạch.

2. Ngoài ra, các Bộ có thẩm quyền phải báo cáo Thủ tướng xem xét, cho ý kiến mức điều chỉnh giá bán điện khi:

+ Giá bán điện tính toán cao hơn giá bán điện hiện hành từ 10% trở lên; hoặc

+ Ngoài khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân; hoặc

+ Ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô.

Hiệu lực thi hành: Quyết định 24/2017/QĐ-

TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2017 và thay thế Quyết định số 69/2013/QĐ-TTg ngày 19/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.

ÁN LỆ SỐ 08/2016/AL VỀ XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT, VIỆC ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT TRONG HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG KỂ TỪ NGÀY TIẾP THEO CỦA NGÀY XÉT XỬ SƠ THẨM

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” tại thành phố Hà Nội giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam với bị đơn là Công ty cổ phần được phẩm Kaoli; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Đăng Duyên, Đỗ Thị Loan.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 16 phần “Xét thấy” của quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Các điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005.

Từ khóa của án lệ:

“Lãi suất”; “Nợ gốc chưa thanh toán”; “Hợp đồng tín dụng”; “Điều chỉnh lãi suất”; “Lãi suất nợ quá hạn”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2010 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (sau đây viết tắt là Vietcombank) và Công ty Cổ phần Dược phẩm Kaoli (sau đây viết tắt là Công ty Kaoli) có ký kết 04 hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng tín dụng số 03/07/NHNT-TL ngày 25/12/2007; số 04/07/NHNT-TL ngày 28/12/2007; số 144/08/NHNT-TL ngày 28/3/2008 và số 234/08/NHNT-TL ngày 27/5/2008. Các hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

- Số 122 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (thửa đất số 46B+39C+37C, tờ bản đồ số 19) thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị Phụng (theo Hợp đồng thế chấp số 1678.2008/HĐTC ngày 25/6/2008; bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh cao nhất là 4.605.000.000 đồng; các điều kiện chi tiết về việc vay và cho vay khoản tiền nêu trên sẽ được ghi cụ thể trong các giấy tờ nghiệp vụ ngân hàng mà Vietcombank và Bên được bảo lãnh (Công ty Kaoli) sẽ ký tại trụ sở của Vietcombank (khoản 1.3 Điều 1); giá trị tài sản thế chấp là 4.605.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản số 105/08/NHNT.TL; thời hạn thế chấp là 05 năm tính từ ngày Bên được bảo lãnh nhận tiền vay; hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (khoản 10.1 Điều 10). Hợp đồng này được công chứng viên Phòng Công chứng số 3 thành phố Hà Nội công chứng ngày 25/6/2008 và Phòng Tài nguyên và môi trường quận Ba Đình chứng nhận đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10/7/2008). Trước đó, ngày 03/9/2007, bà Phụng và Vietcombank lập Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh với nội dung: “Hai bên tiến hành bàn giao các giấy tờ bản chính tài sản bảo đảm sau đây để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty cổ phần dược phẩm Kaoli tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long; tên tài sản: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 122 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội” (BL 52).

- Tổ 13 cụm 2 phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Đăng Duyên và vợ là bà Đỗ Thị Loan (theo Hợp đồng thế chấp số 1677.2008/HĐTC ngày 25/6/2008, bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh cao nhất là 1.250.000.000 đồng; các điều kiện chi tiết về việc vay và cho vay khoản tiền nêu trên sẽ được ghi cụ thể trong các giấy tờ nghiệp vụ ngân hàng mà Vietcombank và Bên được bảo lãnh (Công ty Kaoli) sẽ ký tại trụ sở của Vietcombank (khoản 1.3 Điều 1); giá trị tài sản thế

chấp là 1.250.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản số 106/08/NHNT.TL ngày 03/9/2007 (khoản 3.1 Điều 3); thời hạn thế chấp là 05 năm tính từ ngày Bên được bảo lãnh nhận tiền vay; hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (khoản 10.1 Điều 10); hợp đồng này được công chứng viên Phòng Công chứng số 3 thành phố Hà Nội công chứng ngày 25/6/2008 và Phòng Tài nguyên và môi trường quận Ba Đình chứng nhận đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 01/7/2008). Trước đó, ngày 03/9/2007, ông Nguyễn Đăng Duyên và Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long lập Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh với nội dung: “Hai bên tiến hành bàn giao các giấy tờ bản chính tài sản bảo đảm sau đây để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty cổ phần dược phẩm Kaoli tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long; tên tài sản: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại tổ 13 cụm 2 phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội” (BL 58a).

Ngoài ra, các khoản vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên còn được bảo đảm bằng tài sản là nhà, đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Cao Ngọc Minh và vợ là bà Đoàn Thị Thanh Thủy; nhà, đất của ông Giang Cao Thắng và vợ là bà Dương Thị Sinh (đã được giải chấp); quyền sử dụng đất của ông Chu Quốc Khanh; nhà, đất của bà Chu Thị Hồng và ông Nguyễn Văn Minh.

Thực hiện hợp đồng, Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long đã giải ngân cho Công ty Kaoli vay số tiền theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Công ty Kaoli chỉ mới trả được một phần tiền nợ gốc và nợ lãi. Vietcombank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Kaoli phải thanh toán số tiền còn nợ của 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là 8.197.957.837 đồng (trong đó: nợ gốc là 5.457.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 397.149.467 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.343.808.370 đồng) và xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Phụng; của ông Nguyễn Đăng Duyên và bà Đỗ Thị Loan để thu hồi nợ.

Đại diện bị đơn - ông Đỗ Văn Chính, giám đốc Công ty Kaoli trình bày: Ông thừa nhận Công ty Kaoli còn nợ Vietcombank số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo 04 Hợp đồng tín dụng như Vietcombank trình bày là đúng. Ông xác định trách nhiệm trả nợ theo 04 hợp đồng tín dụng nêu trên là của Công ty Kaoli và xin trả dần trong thời hạn 05 năm.

Trường hợp Công ty Kaoli không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Vietcombank yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo của bà Nguyễn Thị Phụng, của ông Nguyễn Đăng Duyên và bà Đỗ Thị Loan thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Chính xác nhận Vietcombank giải ngân trước khi ký kết Hợp đồng thế chấp số 1678.2008/HĐTC ngày 25/6/2008 và Hợp đồng thế chấp số 1677.2008/HĐTC ngày 25/6/2008. Từ ngày 25/6/2008 đến nay, Công ty Kaoli không vay thêm một khoản vay nào khác, không ký hợp đồng tín dụng nào khác với Vietcombank.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Văn Nghi (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phụng) trình bày: Vietcombank khởi kiện Công ty Kaoli và đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản của bà Phụng trong trường hợp Công ty Kaoli không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông không đồng ý vì bà Phụng ký kết hợp đồng thế chấp vào ngày 25/6/2008 nên không phải chịu trách nhiệm bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Kaoli tại Vietcombank theo 04 hợp đồng tín dụng mà Vietcombank đang khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc Vietcombank làm thủ tục giải chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho bà Phụng.

- Ông Nguyễn Đăng Duyên và bà Đỗ Thị Loan cùng trình bày: Vợ chồng ông, bà có ký Hợp đồng thế chấp ngày 25/6/2008 nhưng hợp đồng này chỉ đảm bảo cho khoản vay của Công ty Kaoli tại Vietcombank và sẽ chịu mọi trách nhiệm phát sinh từ thời điểm sau ngày 25/6/2008 đến ngày 25/4/2009 còn toàn bộ những hợp đồng tín dụng đã ký trước thời điểm ngày 25/6/2008 giữa Vietcombank và Công ty Kaoli thì ông, bà không chịu trách nhiệm. Theo Vietcombank thì từ sau thời điểm ngày 25/6/2008 đến nay, Vietcombank không ký hợp đồng tín dụng nào với Công ty Kaoli. Do vậy, trách nhiệm pháp lý của ông, bà chưa phát sinh. Đề nghị Tòa án buộc Vietcombank phải giải chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp ngày 25/6/2008 cho ông, bà.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2011/KDTM-ST ngày 24/3/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam đối với Công ty Kaoli. Buộc Công ty Kaoli có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi là 8.197.957.837 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam đòi phát mãi các tài sản là giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 46B + 39C + 37C, tờ bản đồ số 19, địa chỉ số 122 Đội Cán, phường Đội Cán, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101132587 do Ủy ban nhân dân quận Ba Đình cấp ngày 27/4/2004 cho bà Nguyễn Thị Phương và giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ tổ 13, cụm 2, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 13+64A (1 phần), tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ tổ 13 cụm 2, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103090899 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 23/3/2004 cho ông Nguyễn Đăng Duyên và vợ là bà Đỗ Thị Loan.

Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam có trách nhiệm trả lại đầy đủ giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và làm thủ tục giải tỏa tài sản thế chấp cho bà Nguyễn Thị Phương và vợ, chồng ông Nguyễn Đăng Duyên, bà Đỗ Thị Loan”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2011, Vietcombank có đơn kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 148/2011/KDTM-PT ngày 17/8/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội căn cứ khoản 2 Điều 275 và khoản 1 Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định:

“Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2011/KDTM-ST ngày 23 và 24/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần nghĩa vụ bảo lãnh đối với bà Nguyễn Thị Phương và vợ, chồng ông Nguyễn Đăng Duyên, bà Đỗ Thị Loan, cụ thể như sau:

Xử: Các Biên bản bàn giao hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ngày 03/9/2007 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với bà Nguyễn Thị Phương và vợ chồng ông Nguyễn Đăng Duyên, bà Đỗ Thị Loan là hợp đồng bảo lãnh (các bút lục số 52, 58a).

Buộc Công ty cổ phần được phẩm Kaoli phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 8.197.957.837 đồng...

Trong trường hợp Công ty cổ phần được phẩm Kaoli không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xử lý tài sản bảo lãnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh.

...Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án”.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, về việc thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Phụng; ông Nguyễn Đăng Duyên và bà Đỗ Thị Loan có nhiều đơn đề nghị xét lại bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 34/2012/KDTM-KN ngày 15/10/2012, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 148/2011/KDTM-PT ngày 17/8/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhận định:

Xét các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho người thứ ba vay vốn ngân hàng (Số công chứng: 1677.2008/HĐTC và 1678.2008/HĐTC cùng ngày 25/6/2008) thấy:

Cả hai hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho người thứ ba vay vốn ngân hàng đều không nêu rõ bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nào và đều được ký kết sau khi 04 Hợp đồng tín dụng (số 03/07/NHNT-TL ngày 25/12/2007; số 04/07/NHNT-TL ngày 28/12/2007; số 144/08/NHNT-TL ngày 28/3/2008 và số 234/08/NHNT-TL ngày 27/5/2008) đã được Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long giải ngân. Theo quy định tại khoản 1.3 Điều 1 của hai Hợp đồng thế chấp nêu trên thì: “Các điều kiện chi tiết về việc vay và cho vay khoản tiền nêu trên (Nghĩa vụ được bảo đảm là khoản vay và bảo lãnh cao nhất là 4.605.000.000 đồng...; - khoản 1.2 Điều 1 Hợp đồng thế chấp) sẽ được ghi cụ thể trong giấy tờ nghiệp vụ Ngân hàng mà bên B (Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long) và bên được bảo lãnh sẽ ký tại trụ sở của bên B (Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long)” thì có thể hiểu bà Phụng, vợ chồng ông Duyên và bà Loan chỉ bảo lãnh cho Công ty Kaoli vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sẽ được ký tại trụ sở của Vietcombank sau ngày ký hợp đồng thế chấp (ngày 25/6/2008) chứ không bảo lãnh cho các khoản vay của 04 Hợp đồng tín dụng đã ký trước đó.

Vietcombank căn cứ vào khoản 6.2 Điều 6 của 04 Hợp đồng tín dụng nêu trên về biện pháp bảo đảm tiền vay có ghi (viết tay) nội dung: “Các thỏa thuận chi tiết về tài sản, quyền và nghĩa vụ của các bên được

xác định cụ thể trong...Hợp đồng thế chấp số 1677.2008/HĐTC ngày 25/6/2008 và Hợp đồng thế chấp số 1678.2008/HĐTC ngày 25/6/2008” để yêu cầu Tòa án buộc bà Phượng, vợ chồng ông Duyên và bà Loan phải có trách nhiệm bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty Kaoli theo 04 Hợp đồng tín dụng nêu trên. Nhưng nội dung này, theo đại diện Vietcombank trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là “do kế toán của Ngân hàng viết”. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Văn Chính - Giám đốc Công ty Kaoli trình bày: “Công ty Kaoli không biết việc viết thêm này” và “Không đồng ý với yêu cầu phát mại của Ngân hàng. Các tài sản của bà Phượng và vợ chồng ông Duyên, bà Loan là do Ngân hàng ghi thêm trong các hợp đồng tín dụng”.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phượng cho biết bà Nguyễn Thị Phượng không nhận được hợp đồng tín dụng nào từ Vietcombank; còn ông Duyên, bà Loan thì có nhận được hợp đồng tín dụng từ Vietcombank. Như vậy, ông Chính, bà Phượng và vợ chồng ông Duyên, bà Loan không biết nội dung chữ viết tay do kế toán Ngân hàng ghi trong các hợp đồng tín dụng, không ký vào hợp đồng tín dụng cho nên chưa có căn cứ để xác định các hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng các Hợp đồng thế chấp số 1677.2008/HĐTC và 1678.2008/HĐTC cùng ngày 25/6/2008.

Bên cạnh hai hợp đồng thế chấp nêu trên thì trong hồ sơ vụ án có 02 bộ tài liệu liên quan đến việc thế chấp tài sản: 01 bộ của bà Phượng; 01 bộ của vợ chồng ông Duyên, bà Loan; trong mỗi bộ đều có: Biên bản định giá tài sản và Biên bản bàn giao tài sản cùng đề ngày 03/9/2007; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (ngày 29/01/2008 của bà Phượng; ngày 25/6/2008 của ông Duyên, bà Loan). Tuy nhiên, trong các Biên bản và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp này cũng không nói rõ bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng tín dụng nào.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định (tóm tắt): “Các Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với bà Phượng, vợ chồng ông Duyên, bà Loan lập ngày 03/9/2007 đều có nội dung thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty cổ phần dược phẩm Kaoli tại Ngân hàng...nên xác định đây là một hợp đồng...”. Và Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử: “Các Biên bản bàn giao hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ngày 03/9/2007 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với bà Nguyễn Thị Phượng và vợ chồng ông Nguyễn Đăng Duyên, bà Đỗ Thị Loan là hợp đồng bảo lãnh (các bút lục số 52, 58a)” và “Trong trường hợp Công ty cổ phần dược phẩm Kaoli không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, thì Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xử lý tài sản bảo lãnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh”.

Nhận định và quyết định trên đây của Tòa án cấp phúc thẩm là không có căn cứ và không đúng pháp luật. Bởi lẽ:

- Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh ngày 03/9/2007 giữa bà Nguyễn Thị Phượng (cũng như giữa ông Duyên, bà Loan) với Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long không phải là hợp đồng bảo lãnh như Tòa án cấp phúc thẩm xác định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/8/2011 đại diện Vietcombank cũng chỉ xác định: “Biên bản bàn giao tài sản, biên bản định giá tài sản là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng thế chấp tài sản”.

- Theo Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, Biên bản định giá tài sản và trình bày của đại diện Vietcombank tại phiên tòa phúc thẩm thì ngày giao nhận hồ sơ và định giá tài sản là ngày 03/9/2007. Còn hợp đồng thế chấp giữa bà Phượng (cũng như giữa ông Duyên, bà Loan) với Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long được ký vào ngày 25/6/2008 (sau ngày lập Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản và Biên bản định giá tài sản) nên không thể coi các Biên bản này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thế chấp nói trên. Tòa án cấp phúc thẩm cũng xác định: “Hợp đồng thế chấp ngày 25/6/2008... không liên quan đến các biên bản giao nhận hồ sơ...”.

- Theo ngày ghi trong biên bản và trình bày của đại diện Vietcombank tại phiên tòa phúc thẩm thì ngày giao hồ sơ (bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở) và ngày định giá tài sản là ngày 03/9/2007, nhưng trong các Biên bản định giá tài sản này lại ghi: “Căn cứ Bảng giá đất tại các quận tại Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 150/2007/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội” và Biên bản này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thế chấp số 1678.2008/HĐTC và số 1677.2008/HĐTC ngày 25/6/2008. Riêng đối với trường hợp của bà Phượng, giá trị quyền sử dụng đất ở được xác định theo Biên bản xác định giá đất thực tế ngày 04/9/2007 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp của bà Phượng đề ngày 29/01/2008 ghi: “Hợp đồng thế chấp số 1678.2008/HĐTC ký ngày 25 tháng 6 năm 2008”. Mặt khác, theo trình bày và tài liệu do bà Phượng, vợ chồng ông Duyên, bà Loan xuất trình thì tại thời điểm ngày 03/9/2007 nhà, đất của bà Phượng đang được thế chấp tại Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng An, quận Tây Hồ, đến ngày 11/01/2008 mới được giải chấp; còn nhà, đất của vợ, chồng ông Duyên, bà Loan đang được thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài quốc doanh Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, đến ngày 16/01/2008 mới được giải chấp.

Với các chứng cứ nêu trên có căn cứ để kết luận: Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh và Biên bản định giá tài sản không phải được lập vào ngày 03/9/2007, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở không phải được giao vào ngày 03/9/2007, việc định giá không được thực hiện vào ngày 03/9/2007 như đại diện Vietcombank trình bày và được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Tại thời điểm ngày 03/9/2007, thì Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh tài sản bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất phải được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai 2003; tại điểm a mục 1 Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và tại tiểu mục 2.4 mục 2 Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006; chứ không phải công chứng và không phải đăng ký giao dịch bảo đảm như Tòa án cấp phúc thẩm nhận định.

Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ ngoài các tài liệu nêu trên còn có tài liệu, chứng cứ nào khác để chỉ dẫn các hợp đồng thế chấp do bà Phượng và vợ chồng ông Duyên, bà Loan ký là được bảo lãnh cho 04 hợp đồng tín dụng của Công ty Kaoli hay không mà lại cho rằng các biên bản bàn giao hồ sơ là hợp đồng bảo lãnh là không đúng, không chính xác. Vì Biên bản này không thể là hợp đồng bảo lãnh, khi xét cả về mặt hình thức và nội dung văn bản.

- Nếu có căn cứ cho rằng các Hợp đồng thế chấp ngày 25/6/2008 của bà Phượng và của vợ chồng ông Duyên, bà Loan bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng nêu trên thì hợp đồng bảo lãnh của bà Phượng chỉ bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh cao nhất là 4.605.000.000 đồng; hợp đồng bảo lãnh của vợ chồng ông Duyên, bà Loan bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh cao nhất là 1.250.000.000 đồng. Trong khi đó, Tòa án cấp phúc

thẩm nhận định các Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh lập ngày 03/9/2007 là hợp đồng bảo lãnh và tuyên: “Trong trường hợp Công ty Cổ phần Dược phẩm Kaoli không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xử lý tài sản bảo lãnh theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh” có nghĩa là bà Phượng, ông Duyên, bà Loan phải chịu trách nhiệm bảo lãnh cho toàn bộ số nợ của Công ty Kaoli và không phân định rõ trách nhiệm bảo lãnh của bà Phượng, ông Duyên và bà Loan cũng là không đúng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án” cũng là không đúng. Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bởi các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 291, khoản 3 Điều 297, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011),

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 148/2011/KDTM-PT ngày 17/8/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với bị đơn là Công ty cổ phần dược phẩm Kaoli và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phượng, ông Nguyễn Đăng Duyên, bà Đỗ Thị Loan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án” cũng là không đúng. Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.